TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - KHÁNH HOÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày 30/7/2025
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - KHÁNH HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Liên và ông Lê Huỳnh Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2025/TLST- DS ngày 23 tháng 01 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Tánh T, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (Nay là Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa).

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị Á, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố F, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (Nay là Tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Tánh T trình bày:

Bà Phan Thị Tánh T và bà Trịnh Thị Á có quan hệ họ hàng, bà T cho bà Á vay tiền 05 lần tổng cộng số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), không tính lãi nên ngày 01/12/2018, bà Trịnh Thị Á lập giấy thế chấp quyền sử dụng đất, nội dung: "Tôi tên Trịnh Thị Á, sinh năm 1966, CMND số 264122152 cư trú tại khu phố F,

phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận có mượn của bà Phan Thị Tánh T, cư trú tại khu phố C, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Từ ngày 01/12/2018 tôi có thế chấp cho bà T 01 sổ quyền sử dụng đất số 986718 cấp ngày 16/3/2011. Đến ngày 01.12.2024 tôi trả lại cho bà T số tiền nói trên và nhận lại sổ QSDĐ". Quá thời hạn thoả thuận bà Á vẫn không trả cho bà T số tiền 500.000.000 đồng như đã thoả thuận nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị Á phải trả cho bà Phan Thị T1 Thuyết số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Bị đơn trình bày: Bà Trịnh Thị Á là cô họ của bà Phan Thị Tánh T, bà Á có vay tiền của bà T 06 lần tổng cộng số tiền 500.000.000 đồng, bà có thế chấp cho bà T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BĐ 986718 do Ủy ban nhân dân T2 – T cấp ngày 16/3/2011 đứng tên chồng bà Á là ông Phan Văn L (đã chết) và bà Trịnh Thị Á nhưng chữ ký và chữ viết trong Giấy thế chấp sổ quyền sử dụng đất lập ngày 01/12/2018 không phải của bà Á.

Nay, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tánh T thì bà không đồng ý trả tiền cho bà T số tiền 500.000.000 đồng vì trong quá trình vay bà Á đã nhiều lần trả tiền cho bà T, số tiền bà đã trả cho bà T bao nhiêu thì bà không nhớ vì bà trả nhiều lần, mỗi lần trả giữa bà T và và bà Á không lập giấy tờ gì.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại khu phố F, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (Nay là Tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hoà.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Phan Thị Tánh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị Á phải trả cho bà Phan Thị T1 Thuyết số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Nguyên đơn cung cấp "Giấy thế chấp sổ quyền sử dụng đất" lập ngày 01.12.2018 nội dung: "Tôi tên Trịnh Thị Á, sinh năm 1966, CMND số 264122152 cư trú tại khu phố F, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận có mượn của bà Phan Thị Tánh T, cư trú tại khu phố C, M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Từ ngày 01/12/2018 tôi có thế chấp cho bà T 01 sổ quyền sử dụng đất số 986718 cấp ngày 16/3/2011. Đến ngày 01.12.2024 tôi trả lại cho bà T số tiền nói trên và nhận lại sổ QSDĐ". Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn bà Trịnh Thị Á cho rằng chữ ký trong giấy thế chấp sổ quyền sử dụng đất không phải là chữ ký của bà. Tuy nhiên, bà Trịnh Thị Á thừa nhận bà có vay tiền của bà Phan Thị T1 Thuyết tất cả 06 lần, tổng cộng 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và có giao bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 986718 ngày 16/3/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố T2 – T cấp đứng tên chồng bà Á là ông Phan Văn L (đã chết) và bà Trịnh Thị Á cho bà T giữ như nội dung giấy thế chấp ngày 01.12.2018 là đúng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh vì bà Á thừa nhận có vay của bà T số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) như nguyên đơn trình bày là đúng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng các bên thiết lập là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị buộc các bên phải thực hiện. Đến hạn thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm hợp đồng đã ký kết nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Á yêu cầu bà T phải trừ đi số tiền bà Á đã nhiều lần trả cho bà T nhưng bà Á không nhớ đã trả cho bà T bao nhiêu lần, đã trả số tiền bao nhiêu vì khi trả không có lập giấy tờ về việc trả tiền và cũng không có ai chứng kiến việc bà Á trả tiền cho bà T. Bà Á không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình. Nguyên đơn

không thừa nhận việc bà Á đã trả tiền cho bà T. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

Đối với việc nguyên đơn đang giữ Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 986718 ngày 16/3/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố T2 – T cấp đứng tên chồng bà Á là ông Phan Văn L (đã chết) và bà Trịnh Thị Á các bên không có yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xét. Trường hợp các bên có tranh chấp về việc giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 24.000.0000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm, cách tính (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 429, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T1 Thuyết đối với bị đơn bà Trịnh Thị Á về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bà Trịnh Thị Á có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị T1 Thuyết số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng)

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên còn phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Bà Trịnh Thị Á phải chịu 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND Khu vực 5-Khánh Hoà;
- THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Trâm **Lê Huỳnh Sinh** **Nguyễn Xuân Hùng**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Liên **Lê Đình Nguyên** **Nguyễn Xuân Hùng**